

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1666 /QĐ-VPQH

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành hướng dẫn lập dự toán, phân bổ, thanh toán, quyết toán kinh phí
khoản chi theo Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15**VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số đến: 17956

Ngày đến: 31/12

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 21/6/2025 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù trong công tác xây dựng pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 ngày 18/02/2025 về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2025/UBTVQH15 ngày 07/3/2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1799/2025/UBTVQH15 ngày 26/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phối hợp công tác giữa Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này ban hành Hướng dẫn về lập dự toán, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí khoản chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác:

1. Thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội;

3. Các nhiệm vụ, hoạt động khác được quy định tại Phụ lục 1, 2 và 3 của Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15, được áp dụng cơ chế khoán chi theo định mức khoán chi ban hành kèm theo Nghị quyết.

Hướng dẫn kèm theo Quyết định này quy định hồ sơ, sản phẩm nghiệm thu và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình lập dự toán, thẩm định, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí khoán chi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; cán bộ, công chức các Vụ chuyên môn giúp việc cho Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

- Lãnh đạo Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Quốc hội và cán bộ, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội.

- Đại biểu Quốc hội không chuyên trách, bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này và Hướng dẫn ban hành kèm theo.

Nơi nhận: *RL*
- Như Điều 2;
- Lưu: HC, Vụ KH-TC *Kh*



KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Phạm Đình Toàn
Phạm Đình Toàn

HƯỚNG DẪN

Về lập dự toán, phân bổ, thanh toán, quyết toán kinh phí khoán chi theo Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1666/QĐ-VPQH ngày 12/12/2025 của Chủ
nhiệm Văn phòng Quốc hội)*

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Việc lập dự toán, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo cơ chế khoán chi quy định tại Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15 (Nghị quyết số 95) và pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm:

a) Không vượt tổng mức dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao theo quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết 197/2025/QH15.

b) Không vượt định mức khoán chi tối đa cho một lần thực hiện nhiệm vụ, hoạt động và từng nhóm đối tượng quy định tại các Phụ lục 1, 2 và 3 của Nghị quyết số 95.

c) Chi đúng nội dung, không trùng lặp nhiệm vụ và không chi hai lần cho một nội dung công việc.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội được quyền quyết định và điều chỉnh nội dung chi theo khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 95, bảo đảm không vượt mức khoán tối đa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hiệu quả và sự phù hợp của khoản chi với nhiệm vụ được giao.

3. Cơ quan chủ trì thẩm tra thanh toán kinh phí khoán chi theo kết quả thực hiện nhiệm vụ lập pháp, bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Nhiệm vụ lập pháp hoàn thành: Thanh toán theo sản phẩm hoàn thành (văn bản quy phạm pháp luật đã được Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua). Số kinh phí còn dư xử lý theo điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 95.

b) Nhiệm vụ kéo dài hai năm ngân sách được chuyển nguồn và thanh toán theo tổng mức khoán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật được thông qua.

c) Nhiệm vụ bị thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt:

- Đối với nhiệm vụ đã hoàn thành: Thanh toán theo sản phẩm hoàn thành của nhiệm vụ, phù hợp mức khoán chi được quy định.

- Đối với nhiệm vụ chưa hoàn thành: Thanh toán theo sản phẩm, khối lượng công việc đã thực hiện trên cơ sở định mức quy định tại Phụ lục 1, 2 và 3 của Nghị quyết số 95. Hồ sơ thanh toán gửi trước ngày 20/12 của năm ngân sách.

4. Cơ quan tham gia thẩm tra:

a) Trường hợp thực hiện đầy đủ danh mục nhiệm vụ: Thanh toán theo tổng mức khoán của từng văn bản;

b) Trường hợp thực hiện không đầy đủ: Thanh toán theo sản phẩm, khối lượng công việc đã thực hiện.

5. Đối với Lãnh đạo Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội: Thanh toán theo mức khoán chi, căn cứ thời gian làm việc thực tế và hệ số khoán chi tương ứng.

6. Thời điểm thanh toán: Thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc mỗi kỳ họp Quốc hội hoặc sau thời điểm nhiệm vụ lập pháp được hoàn thành, trừ trường hợp nhiệm vụ chưa hoàn thành do thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt theo khoản 3 Điều này.

Điều 2. Lập dự toán và phân bổ kinh phí khoán chi

1. Lập dự toán

a) Căn cứ lập dự toán: Chương trình lập pháp hằng năm; Nghị quyết kỳ họp; các chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; văn bản phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lãnh đạo Quốc hội và định mức quy định tại các Phụ lục của Nghị quyết số 95;

b) Dự toán xác định rõ nhiệm vụ lập pháp và mức khoán chi của từng nhiệm vụ để làm căn cứ bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.

2. Trách nhiệm lập và tổng hợp dự toán

a) Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội lập dự toán cho các nhiệm vụ được phân công.

b) Văn phòng Quốc hội lập dự toán đối với hoạt động của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo tham mưu, Đảng ủy Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Văn phòng Quốc hội; tổng hợp chung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật về xây dựng pháp luật.

c) Dự toán năm kế hoạch gửi Văn phòng Quốc hội (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 30/6 hằng năm; trường hợp Chính phủ có quy định khác về thời hạn lập và gửi dự toán thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

d) Trường hợp nhiệm vụ lập pháp được bổ sung:

- Đối với nhiệm vụ được bổ sung đến trước ngày 30/11: Văn phòng Quốc hội lập dự toán bổ sung và gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật về xây dựng pháp luật.

- Đối với nhiệm vụ được bổ sung sau ngày 01/12: Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị lập dự toán, báo cáo Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội cân đối, sử dụng nguồn kinh phí đã được giao và phân bổ cho các cơ quan thực hiện.

3. Phối hợp trong lập và thẩm định dự toán

a) Dự toán phải lập đúng: đối tượng, nhiệm vụ, định mức khoán chi và không lồng ghép nhiệm vụ khác không thuộc phạm vi Nghị quyết số 95.

b) Cơ quan lập dự toán chịu trách nhiệm về số liệu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ trong dự toán.

c) Văn phòng Quốc hội (Vụ Kế hoạch - Tài chính) thực hiện thẩm định trong phạm vi định mức và tổng mức dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

4. Phân bổ kinh phí khoán chi

a) Căn cứ tổng mức khoán theo các Phụ lục của Nghị quyết số 95 và số lượng văn bản, nhiệm vụ phát sinh hằng năm.

b) Cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Quốc hội và các cơ quan tham mưu của Đảng ủy Quốc hội: phân bổ theo hệ số khoán chi và thời gian làm việc thực tế.

c) Bảo đảm không vượt dự toán được giao và không vượt định mức khoán chi tối đa theo quy định.

d) Cơ quan được phân bổ kinh phí chịu trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

Điều 3. Hồ sơ thanh toán và quyết toán kinh phí

1. Đối với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội

a) Nghị quyết về Chương trình lập pháp hằng năm; các Nghị quyết, Kết luận, văn bản phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (bản giấy có dấu đỏ) do Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Vụ Tổng hợp - Văn phòng Quốc hội là đầu mối cung cấp; các văn bản có bút phê của Lãnh đạo Quốc hội (nếu có).

b) Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc hoặc Chủ nhiệm Ủy ban về việc điều chỉnh giữa các nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục tại Phụ lục 1 và 2 của Nghị quyết số 95 (nếu có).

c) Quyết định hoặc Kế hoạch phân công thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban; kế hoạch thẩm tra, phối hợp tiếp thu chỉnh lý dự án Luật của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

d) Bảng tổng hợp thanh toán theo định mức khoán chi quy định.

e) Danh sách phân bổ kinh phí theo từng đối tượng có xác nhận của Thường trực Hội đồng Dân tộc hoặc các Ủy ban.

2. Đối với Đảng ủy Quốc hội và Văn phòng Quốc hội

a) Mức khoán chi:

Mức khoán chi phục vụ xây dựng pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được quy định đối với cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu; Văn phòng Quốc hội; cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội như sau:

Lãnh đạo Quốc hội: Mức khoán theo hệ số 1,5.

Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Lãnh đạo Đảng ủy Quốc hội là ĐBQH chuyên trách: Mức khoán theo hệ số 1,2.

Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Lãnh đạo Đảng ủy Quốc hội không phải là ĐBQH, Trợ lý Lãnh đạo Quốc hội: Mức khoán theo hệ số 1,1.

Lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Quốc hội, Cục, Vụ, CVCC, Thư ký Lãnh đạo Quốc hội và tương đương: Mức khoán theo hệ số 1,0.

Lãnh đạo cấp Phòng, CVC và tương đương: Mức khoán theo hệ số 0,9.

Chuyên viên và tương đương: Mức khoán theo hệ số 0,8.

Cán sự, nhân viên, lao động hợp đồng không xác định thời hạn: Mức khoán theo hệ số 0,7.

b) Phương thức phân bổ kinh phí:

- Tổng mức kinh phí được hưởng được xác định bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động được quy định tại các Phụ lục 1, 2 của Nghị quyết số 95 nhân với số lượng danh mục dự án Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm.

- Phân bổ cho từng đối tượng quy đổi ra hệ số khoán chi được hưởng: căn cứ mức khoán chi theo hệ số quy định tại mục a nêu trên và thời gian làm việc thực tế (là thời gian làm việc đã trừ các ngày nghỉ ốm, nghỉ thai sản, thời gian đi học tập trung từ 1 tháng trở lên, nghỉ không hưởng lương).

- Số tiền khoán chi được phân bổ cho mỗi cán bộ, công chức, người lao động không được vượt quá định mức được quy định tại Phụ lục 3 của Nghị quyết số 95. Trường hợp số tiền phân bổ cao hơn định mức tối đa quy định tại Phụ lục 3, thực hiện thanh toán bằng mức tối đa.

(Phụ lục cách tính kèm theo)

c) Hồ sơ thanh toán:

- Việc thanh toán khoán chi xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 95 cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu; Văn phòng Quốc hội; các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Quốc hội được thực hiện sau khi kết thúc kỳ họp Quốc hội.

- Vụ Công tác Đại biểu: lập danh sách Lãnh đạo Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Trợ lý, Thư ký của các đồng chí Lãnh đạo Quốc hội.

- Văn phòng Đảng ủy Quốc hội: lập danh sách cán bộ, công chức các cơ quan tham mưu theo mẫu đính kèm (BM05) được Lãnh đạo Đảng ủy Quốc hội xác nhận về chức vụ, chức danh, vị trí việc làm và thời gian làm việc thực tế.

- Các Cục, Vụ thuộc Văn phòng Quốc hội: lập danh sách cán bộ, công chức, người lao động theo mẫu đính kèm (BM06) gửi về Vụ Tổ chức Cán bộ để xác nhận về chức vụ, chức danh, vị trí việc làm và thời gian làm việc thực tế.

d) Thời gian gửi danh sách:

- Các Vụ, Cục, đơn vị gửi hồ sơ về Ban Tổ chức Đảng ủy Quốc hội và Vụ Tổ chức - Cán bộ sau 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ họp Quốc hội để thực hiện xác nhận.

- Ban Tổ chức Đảng ủy Quốc hội, Vụ Tổ chức - Cán bộ có trách nhiệm rà soát và gửi hồ sơ về Vụ Kế hoạch - Tài chính sau 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ họp Quốc hội để thực hiện thanh toán.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính lập bảng tổng hợp kinh phí, bảng phân bổ chi tiết tiền khoán chi và thực hiện thanh toán cho Lãnh đạo Quốc hội, cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Quốc hội; cán bộ, công chức các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Quốc hội.

3. Đối với Đoàn Đại biểu Quốc hội, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi quy định tại các Phụ lục 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 95 và danh mục các dự án Luật, Nghị quyết, Pháp lệnh được thông qua tại các kỳ họp hàng năm, lập dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện thanh toán khoán chi xây dựng pháp luật cho Đại biểu Quốc hội không chuyên trách và cán bộ, công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi kết thúc các kỳ họp Quốc hội, bảo đảm đúng định mức, đúng đối tượng theo quy định.

b) Mức khoán chi:

Đại biểu Quốc hội không chuyên trách tại các Đoàn Đại biểu Quốc hội: Mức khoán theo hệ số 1,1.

Lãnh đạo Văn phòng, Chuyên viên cao cấp và tương đương: Mức khoán theo hệ số 1,0.

Lãnh đạo cấp Phòng, Chuyên viên chính và tương đương: Mức khoán theo hệ số 0,9.

Chuyên viên và tương đương: Mức khoán theo hệ số 0,8.

Cán sự và nhân viên, lao động hợp đồng không xác định thời hạn: Mức khoán theo hệ số 0,7.

c) Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội quyết định về nội dung chi, sản phẩm, mức chi; ban hành Quy chế, định mức, phân bổ (nếu cần thiết), bảo đảm đúng đối tượng, định mức theo quy định.

4. Thanh toán, quyết toán và hạch toán

a) Thanh toán và quyết toán

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ lập hồ sơ thanh toán, quyết toán căn cứ mức khoán chi được duyệt; sản phẩm hoàn thành đối với nhiệm vụ đã kết thúc; khối lượng công việc thực tế đã thực hiện đối với nhiệm vụ bị thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt.

Văn phòng Quốc hội (Vụ Kế hoạch - Tài chính) thực hiện kiểm soát chi và thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi, nhiệm vụ phát sinh trong năm và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố tổng hợp kinh phí khoán chi đối với Đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách và cán bộ, công chức, người lao động phục vụ Đoàn vào báo cáo quyết toán hàng năm gửi Văn phòng Quốc hội.

b) Hạch toán kế toán

Kinh phí khoán chi được hạch toán mục 7000 - Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành. Tiểu mục 7012 - Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành (kinh phí không thực hiện tự chủ).

Việc hạch toán, lưu trữ chứng từ và lập báo cáo kế toán thực hiện theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội

a) Chủ động quyết định nội dung chi đối với nhiệm vụ, hoạt động thuộc thẩm quyền; xin ý kiến và lựa chọn chuyên gia; ký hợp đồng và nghiệm thu sản phẩm hoàn thành của nhiệm vụ, hoạt động, bảo đảm hiệu quả, đúng định mức quy định tại Phụ lục 3 Nghị quyết số 95.

b) Tổ chức triển khai nhiệm vụ; quản lý, sử dụng kinh phí đúng định mức và đối tượng; chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, định mức quy định.

c) Các Vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban tham mưu giúp Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban lập dự toán; rà soát, lập hồ sơ thanh toán theo quy định gửi Văn phòng Quốc hội (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để bảo đảm kinh phí và thực hiện thanh quyết toán.

2. Văn phòng Quốc hội

a) Bảo đảm bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí phục vụ công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 95.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm soát chi, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại văn bản này.

3. Đoàn Đại biểu Quốc hội

a) Tổ chức thực hiện kinh phí khoán chi đối với Đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách và công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 95.

b) Quyết định danh sách người được hưởng khoán chi, nội dung chi, sản phẩm và mức chi; ban hành Quy chế, định mức phân bổ (nếu cần thiết), bảo đảm đúng đối tượng, đúng định mức và quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ, hoạt động được giao trước ngày 01/7/2025:

a) Trường hợp thực hiện sau ngày 01/7/2025, việc lập dự toán, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí được áp dụng theo cơ chế khoán chi tại Hướng dẫn này.

b) Trường hợp nhiệm vụ đã thực hiện trước ngày 01/7/2025 nhưng hoàn thành sau thời điểm này, kinh phí được hưởng được xác định bằng mức khoán chi theo Hướng dẫn này, trừ đi số kinh phí đã thanh toán trước ngày 01/7/2025.

2. Kể từ ngày 01/7/2025, không áp dụng các khoản chi, định mức chi quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH12 đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

a) Chi cho công tác thẩm tra, chỉnh lý dự án Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết (Điều 3);

b) Chi lấy ý kiến tham gia dự án Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết (Điều 5);

c) Chi hỗ trợ Đại biểu Quốc hội tự nghiên cứu đề tham gia ý kiến vào các dự án luật (khoản 1 Điều 12);

d) Chi hỗ trợ kinh phí xây dựng luật đối với cán bộ, công chức và người lao động của Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trực tiếp giúp việc Đoàn Đại biểu Quốc hội (khoản 1 Điều 13);

đ) Các định mức chi khác phục vụ công tác thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Hướng dẫn này là căn cứ thống nhất để các cơ quan triển khai thực hiện cơ chế khoán chi phục vụ công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 95.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Quốc hội (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. *Ph* *7/2*



**KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Phạm Đình Toàn